

Số: 04/2020/QĐST-DS

T, ngày 30 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 22/5/2020 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 11/2020/TLST-KDTM ngày 24/2/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân Hàng TMCP S

Trụ sở: 266-268, đường N, phường 8, quận 3, thành phố H

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị T (giấy ủy quyền số 90b/2019/GUQ-CNLB ngày 18/10/2019)

Bị đơn: Công ty TNHH sản xuất và đầu tư thương mại A

Trụ sở: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, thành phố H

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế V – Giám đốc

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thế V, sinh năm 1978

2. Bà Lê Thị B, sinh năm 1982

Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, thành phố H

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Xác nhận đến ngày 31/3/2020 Công ty TNHH sản xuất và đầu tư thương mại A (gọi tắt là Công ty A) còn nợ Ngân Hàng TMCP S (gọi tắt là S) số tiền là 1.706.077.209đ bao gồm 1.499.602.595đ tiền nợ gốc; 11.952.211đ tiền nợ lãi trong hạn và 194.522.403đ lãi quá hạn.

- Kể từ ngày 01/6/2020 đến ngày 30/6/2020, Công ty A có trách nhiệm thanh toán cho S bộ số tiền 1.706.077.209 đồng bao gồm 1.499.602.595đ tiền nợ gốc; 11.952.211đ tiền nợ lãi trong hạn và 194.522.403đ lãi quá hạn.

- Kể từ ngày 01/4/2020, Công ty A còn phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng số LD1832300106 ngày 20/11/2018 và các khế ước nhận nợ đã được ký kết giữa hai bên.

Trường hợp Công ty A không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên Sacombank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

+ Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 33, Tờ bản đồ số 31 tại Xã Đ, huyện T, Thành phố H đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 503565, ngày 27/7/2018 mang tên Ông Nguyễn Thế V và bà Lê Thị B cho số tiền nợ gốc không quá 300.000.000đ và các khoản thanh toán khác được quy định trong hợp đồng tín dụng số LD1832300106 ngày 20/11/2018 và các khế ước nhận nợ đã được ký kết giữa hai bên.

+ Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 53, Tờ bản đồ số 28 tại Xã Đ, huyện T, Thành phố H đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 512707, ngày 19/4/2018 mang tên Ông Nguyễn Thế V và bà Lê Thị B cho số tiền nợ gốc không quá 300.000.000đ và các khoản thanh toán khác được quy định trong hợp đồng tín dụng số LD1832300106 ngày 20/11/2018 và các khế ước nhận nợ đã được ký kết giữa hai bên.

+ Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 11-1, Tờ bản đồ số 20 tại Thôn N, xã Đ, huyện T, Thành phố H đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 162005, ngày 18/9/2018 mang tên Ông Nguyễn Thế V và bà Lê Thị B cho số tiền nợ gốc không quá 900.000.000đ và các khoản thanh toán khác được quy định trong hợp đồng tín dụng số LD1832300106 ngày 20/11/2018 và các khế ước nhận nợ đã được ký kết giữa hai bên.

3. Về án phí: Công ty A tự nguyện chịu 63.182.000đ án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch.

- Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 28.350.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 6488 ngày 19/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- Lưu hồ sơ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ

Thẩm phán

(Đã ký)